TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thúy Duy;

2. Bà Nguyễn Thị Lợi;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 365/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1982; cư trú: Tổ 04, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trương Văn L, sinh năm 1982; cư trú: Tổ 04, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang;

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Lê Thị H trình bày: Bà và ông Trương Văn L tự tìm hiểu, được cha mẹ đồng ý tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2003, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, bà và ông L chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân

do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Do ông L không quan tâm chăm sóc gia đình. Bà và ông L đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Nay, bà xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông Trương Văn L có 02 con chung Trương Văn K, sinh ngày 25/8/2003 và Trương Văn Đ, sinh ngày 30/3/2005. Hiện nay, hai cháu K, Đ đã trưởng thành, có công việc ổn định nuôi sống bản thân. Sau khi ly hôn, bà không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông L theo quy định nhưng ông L không có mặt theo các thông báo của Tòa án.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông L thì xác định ông L vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng ông L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L. Đồng thời, ông L cư trú trên địa bàn huyện A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông L, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa bà H và ông L đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Xét thấy mâu thuẫn của bà H và ông L không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà H theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà H và ông L có 02 con chung Trương Văn K, sinh ngày 25/8/2003 và Trương Văn Đ, sinh ngày 30/3/2005. HIện nay 02 con chung đã trưởng thành và sống tụ lập nên bà H không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị H.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị H.được ly hôn với ông Trương Văn L.

Về án phí*:* Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006737 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. (bà H nộp đủ án phí)

Về quyền kháng cáo: Án tuyên vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Bà H, ông L được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc

thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh AG (1);*
- *VKS tỉnh AG (1);*
- *VKS huyện AP (2);*
- *THADS huyện AP (1);*
- *UBND xã Quốc Thái(1);*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu VP (1);*
- *Lưu HS (1).*

Mai Việt Quốc